

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/HNGĐ- ST

Ngày: 07/02/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
Khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các hội thẩm: Ông Mai Văn Rạng và ông Lê Đình Cóong

Đại diện VKSND huyện B Đ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh – chức vụ:

Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng

Ngày 07 tháng 02 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXX ST –HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025, ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T - Sinh năm:1984 – có mặt;

Địa chỉ: Khu phố Th X, thị trấn Th B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn E- Sinh năm: 1982 – vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp T H, xã T Th, huyện B Đ, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu xin ly hôn đề ngày 26/7/2023 nguyên đơn chị Tạ Thị T Anh trình bày: Chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015 không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới tại xã T Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, vợ chồng đã sống ly thân bảy năm. Hiện chị T không còn tình cảm với anh E nữa.

Về con chung: Chị Tạ Thị T trình bày: Chị T và anh E đã có với nhau 01 người con chung là: Huỳnh thị Cẩm Nh, sinh ngày 28/12/2015 con chung được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Tài sản chung; nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thị T yêu cầu Tòa án huyện B Đ tuyên bố chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng là vợ chồng. Về con chung, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Huỳnh Văn E vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, anh E không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do anh E vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa: Chị Tạ Thị T vắng mặt (Có đơn yêu cầu vắng mặt). Trong quá trình giải quyết vụ án chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng; Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là: Huỳnh Thị Cẩm Nh, sinh ngày 28/12/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung; Nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T: Tuyên bố chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng; giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của chị Tạ Thị T thuộc trường hợp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Huỳnh Văn E có địa chỉ tại: Ấp Hội, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tạ Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Văn E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có ý do. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2015, tại Ấp T H, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước có tổ chức đám cưới và nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B Đ tuyên bố chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng. Tại phiên tòa anh E vắng mặt. Tuy nhiên xét trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh E để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng của anh với chị T nhưng anh E vắng mặt không lý do. Vì vậy anh E không thể hiện được ý kiến của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E mà không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình qui định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo qui định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc đăng ký kết hôn không đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Căn cứ thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình”. Hội đồng xét xử cần tuyên bố chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng.

-Về con chung: Tại phiên tòa chị T vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thị T yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là: Huỳnh Thị Cẩm Nh, sinh ngày 28/12/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Xét về thu nhập: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp chứng cứ hiện chị đang công tác tại trường mầm non Thanh Bình, huyện B Đ đồng thời 03 (ba) bảng lương tháng 9,10,11 năm 2024 có thu nhập bình quân 4.447.000 đồng/ tháng, tại biên bản tự ghi lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2024 cháu Huỳnh thị Cẩm Nh có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo được cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển bình thường về quyền lợi mọi mặt của trẻ E vị thành niên đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh, phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

nuôi con chung của chị T tiếp tục giao 01 con chung là: Huỳnh thị Cẩm Nh, sinh ngày 28/12/2015 cho chị Tạ Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi Nh đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tạ Thị T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tạ Thị T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/QH của Quốc hội và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao ,Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp , hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “ về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình”. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”của nguyên đơn chị Tạ Thị T đối với anh Huỳnh Văn E.

1. Tuyên bố: Chị Tạ Thị T và anh Huỳnh Văn E không phải là vợ chồng.

2. Về con chung :

- Giao 01 con chung là: Huỳnh Thị Cẩm Nh, sinh ngày 28/12/2015 cho chị Tạ Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh Huỳnh Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ ngày 16/10/2024, theo biên lai số 0007166.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- UBND xã Tân Tiến;
- UBND phường Phú Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức